TINH THẦN PHẢN TƯ VÀ XU HƯỚNG GIAO LƯU, HỘI NHẬP CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM THỜI KÌ "ĐỔI MỚI"

Nguyễn Phương Thảo
Viện Văn học

Tóm tắt: *Bài viết trình bày một cách hệ thống về tinh thần phản tư và xu hướng hội nhập như hai chiều vận động song hành trong tiến trình phát triển của văn học Việt Nam thời kỳ Đổi mới. Phản tư được hiểu là khả năng tự chất vấn, tự soi chiếu lịch sử, con người và các giá trị từng được mặc định, thể hiện qua sự đổi mới nội dung, hình thức và tư duy nghệ thuật. Từ đó, phản tư không chỉ là đặc trưng thẩm mỹ mà còn là một xu hướng phát triển tất yếu, góp phần giải phóng văn học khỏi các hệ tư tưởng cứng nhắc. Trong mối quan hệ với hội nhập, phản tư đóng vai trò như một "cơ chế lọc văn hóa", giúp văn học Việt chọn lọc, tiếp thu tinh hoa thế giới mà không đánh mất bản sắc. Quá trình hội nhập thông qua dịch thuật, văn học di dân và tiếp xúc lý thuyết hiện đại giúp mở rộng không gian tư duy phản tư, làm sâu sắc thêm khả năng tự ý thức. Bài viết khẳng định nhu cầu cần có một chiến lược tích hợp phản tư - hội nhập để phát triển nền văn học vừa bản lĩnh, vừa kết nối hiệu quả với văn học khu vực và thế giới.*

Từ khóa: *Phản tư, hội nhập, văn học đổi mới, tự nhận thức, mỹ học tiếp nhận.*

Nhận bài ngày 25.3.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.6.2025
Liên hệ tác giả: Nguyễn Phương Thảo; Email: lapthao86@gmail.com

1. MỞ ĐẦU

Trong tiến trình phát triển của văn học Việt Nam sau 1986, **tinh thần phản tư** và **xu hướng hội nhập** đã trở thành hai động lực song hành, tạo nên những chuyển biến sâu sắc cả về tư duy nghệ thuật lẫn diễn ngôn văn học. Nếu phản tư là biểu hiện của nhu cầu tự chất vấn, giải thiêng và tái định vị giá trị, thì hội nhập mở ra khả năng đối thoại đa chiều với các hệ hình tư tưởng và thẩm mỹ toàn cầu. Bài viết tập trung khảo sát sự tương tác giữa hai khuynh hướng này như một chiến lược phát triển bền vững của văn học thời kỳ Đổi mới.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái lược tinh thần phản tư trong văn học Việt Nam thời kỳ đổi mới

2.1.1. Khái niệm và đặc trưng của tinh thần phản tư trong văn học

Khởi đầu của mọi sự đổi mới, cách tân, phát triển bao giờ cũng gắn với ý thức về thực trạng và nhu cầu cần soát xét, kiểm điểm, đánh giá lại quá khứ. Về cơ bản, khái niệm "phản tư" (反思, reflection) xuất phát từ triết học và khoa học xã hội, "phản tư" là khả năng suy ngẫm lại về chính bản thân, hành động, tư tưởng, vị thế trong xã hội. Trịnh Bá Đĩnh trong chương 4 "Giai đoạn 1986 đến nay từ phản tư đến hội nhập" cuốn *Lịch sử lý luận phê bình văn học Việt Nam*, từng nhấn mạnh: "Thuật ngữ "phản tư" được mượn từ giới lí luận, phê bình văn học Trung Quốc đương đại, khái niệm này để chỉ sự tự phản tỉnh, tự phê phán của giới lí luận, phê bình đối với các giá trị cũ..." [1]. Trong văn học, "phản tư" thể hiện ở việc sáng tác văn học không chỉ trần thuật, trần tình, miêu tả, phản ánh theo chức năng, sứ mệnh… mà còn tự chất vấn, tự soi chiếu chính mình và thời đại mà nó thuộc về. Còn nhớ khi tham gia tranh luận về "chung cuộc" của tiểu thuyết, khi nhiều học giả thế giới cho rằng nó đang ở giai đoạn "cáo chung" do quá ôm đồm, không định hình được đặc thù thể loại, ngoài sự phản biện xác đáng của M.Bakhtin, còn có ý kiến của nhà triết học, nhà văn Pháp nổi tiếng J.P. Sartr: "Chúng ta đang sống ở một thời đại có nhiều suy tư, và tiểu thuyết cũng không ngừng suy ngẫm về bản thân nó". Phản tư, do đó, vừa là cơ sở sinh tồn; vừa là bản năng tự kiến tạo, đổi mới, phát triển của văn học. Ở đây có tinh thần phản tư của giới sáng tác và có phản tư của học

giới, giới lý luận, nghiên cứu, phê bình. Nhìn rộng ra, có những hiện tượng, sự kiện phản tư ở từng cá nhân tác giả và phản tư ở cấp độ văn hóa dân tộc, thời đại, thời kỳ, giai đoạn, trào lưu, tầng lớp khác nhau.

Thực tế lịch sử văn học dân tộc cũng đã trải qua nhiều cuộc phản tư, phản tỉnh, cởi trói, canh tân và phát triển. Chẳng hạn, danh nho Trương Hán Siêu (1274-1354) từng dự cảm và cảnh báo trước hiện trạng Phật giáo đang dần mất vai trò quốc giáo, sau đó chuyển dần sang chế độ Nho giáo toàn trị, coi trọng khoa bảng, quan chức và quan niệm văn học gắn với chức năng "Văn dĩ tải đạo", "Văn dĩ minh đạo"… Tinh thần phản tỉnh về thơ ca thể hiện rõ qua phong trào *Thơ mới* (1932-1945) – một phong trào xác lập thời đại mới trong thi ca, phê phán và đoạn tuyệt quyết liệt với thơ cũ. Hoài Thanh đã khái quát tầm vóc lịch sử ấy trong "Một thời đại trong thi ca" [2] … Đến giai đoạn hậu chiến và Đổi mới (1986) đã xuất hiện nhiều tiếng nói phản tỉnh mạnh mẽ của Nguyễn Minh Châu, Hoàng Ngọc Hiến, Trần Đình Sử, Lê Ngọc Trà…, trong đó đã dần nhận ra những hạn chế của một giai đoạn văn nghệ "minh họa", "phải đạo", "quan phương". Tinh thần phản tư trong văn học Việt Nam sau 1986 là dấu hiệu của sự chống lại tính đồng nhất, tụng ca; đồng thời khẳng định quyền tự do sáng tạo, cá tính và tiếng nói mang tính chất vấn. Nhà nghiên cứu Trần Đình Sử đã chỉ rõ rằng: "Văn học Việt Nam sau Đổi mới không còn là 'văn học minh họa' nữa đâu, mà là văn học suy tư duy nghiệm về con người, về lịch sử, về các giá trị đã bị thánh hoá trong quá khứ" [3] … Như vậy, tinh thần phản tư, phản tỉnh đòi hỏi sự nhận thức lại, tự suy ngẫm đánh giá nhằm khắc phục những hạn chế, yếu kém, từ đó thúc đẩy mở đường, phát triển.

2.1.2. Biểu hiện của tinh thần phản tư trong sáng tác

Trên tổng thể, phản tư trong sáng tác thể hiện ở việc tác giả không chỉ kể chuyện mà còn suy ngẫm về nghề viết, tự chất vấn vai trò nhà văn. Trong truyện ngắn *Tướng về hưu* (1987) của Nguyễn Huy Thiệp, người đọc bắt gặp một giọng văn trào phúng, giễu nhại và mỉa mai về các huyền thoại được ngợi ca, "thánh hoá trong quá khứ" [4]. Nhân vật ông tướng về hưu, vì thế không còn được khắc họa như một biểu tượng thiêng liêng, mà được xem xét như một cá nhân trong đời thường, trở thành phương tiện để nhà văn chất vấn chính những huyền thoại từng được đề cao, phơi bày khoảng cách giữa vinh quang được kiến tạo trong chiến tranh và thực tại đời thường đầy nghịch lý, từ đó đặt lại vấn đề về vai trò người viết trong việc tái định nghĩa giá trị quá khứ.

Về tinh thần phản tư lịch sử cuộc chiến đã qua, tiểu thuyết *Nỗi buồn chiến tranh* (Bảo Ninh, 1990) tạo nên sự khác biệt và được xem như một đối trọng với các nguyên tắc, thành tựu của cả một nền văn học chiến tranh trước đó. Tác phẩm không tuyên dương chiến công mà "... tìm đến một cách thể hiện mới... Bảo Ninh không chỉ đem đến một cái nhìn khác về hiện thực chiến tranh, mà điều quan trọng, nhà văn đã xác lập một tư tưởng... song nó vẫn trượt ra khỏi dòng chảy của tự truyện truyền thống với những tiêu chí về sự thật và những cách diễn giải của cá nhân. Cấu trúc này thực sự luôn là một thách thức đối với kiểu kể chuyện truyền thống" [Xem 5],… Cũng nằm trong hệ trục ý thức này, còn có thể kể đến Lê Lựu (*Thời xa vắng*), Chu Lai (*Ăn mày dĩ vãng*) và một số nhà văn khác, những người còn sống sót, trở về sau chiến tranh.

Về phản tư ở hệ qui chiếu văn hóa - xã hội, nhiều tác giả như Dương Thu Hương với tiểu thuyết *Bên kia bờ ảo vọng* (1987), Phạm Thị Hoài với tiểu thuyết *Thiên sứ* (1988), Tạ Duy Anh với truyện ngắn *Bước qua lời nguyền* (1989)…, vừa chỉ trích hệ thống đạo đức cũ, vừa thể hiện trạng thái tâm lý phức tạp của cá nhân trong bối cảnh đô thị hóa và toàn cầu hóa. Trong các tác phẩm này, các nhân vật thường xuất hiện như những cái tôi cô đơn, mặc cảm lạc lõng, thường xuyên chất vấn bản thân và hiện thực, bị giằng xé giữa truyền thống và hiện đại…

Xét trên những biểu hiện rõ nét, có thể thấy tinh thần phản tư nữ quyền và giới (gần với văn học và chủ điểm môi trường sinh thái) mang tính thời sự, hiện đại và lan tỏa sâu rộng trên toàn thế giới. Điều này thể hiện rõ ở tiếng nói phê phán hệ thống phụ hệ và vai trò áp đặt của xã hội lên người phụ nữ cũng là một dạng phản tư nổi bật. Thơ Ý Nhi, Trần Ninh Hồ, truyện ngắn Đỗ Hoàng Diệu, Nguyễn Thị Thu Huệ, Nguyễn Thị Minh Ngọc,… đặt vấn đề về sự im lặng, cam chịu nhưng tiềm ẩn sự nổi loạn, bùng thoát ngấm ngầm của giới nữ. Đây là hình thức phản tư vừa mang tính chất cá nhân, vừa hàm chứa tính phản tư xã hội sâu sắc.

Ở một chiều kích khác, tinh thần phản tư về bản thể và nhân sinh thể hiện ở nhiều cây bút thế hệ sau 1975 (Tạ Duy Anh, Hồ Anh Thái, Nguyễn Phúc Lộc Thành, Nguyễn Bình Phương…) tập trung khai thác các khía cạnh bản thể học, thể hiện sự trống rỗng, hoài nghi và lạc hướng của con người hiện đại. Chẳng hạn, trong tiểu thuyết *Ngồi* (Nguyễn Bình Phương, 2006), nhân vật chìm trong không gian nội tâm rối loạn, mơ hồ giữa thực và ảo, thể hiện khát vọng đi tìm bản ngã trong một thế giới không chắc chắn, khó đoán định.

Có thể thấy, tinh thần phản tư trong hình thức nghệ thuật của văn học thời kỳ Đổi mới được thể hiện qua sự phá vỡ các kết cấu truyền thống - từ lối viết phi tuyến tính, dòng ý thức đến sự mờ nhòe giữa hiện thực và tưởng tượng - không chỉ nhằm cách tân kỹ thuật mà còn thể hiện sự chất vấn sâu sắc đối với chính các hình thức diễn ngôn của văn học. Người viết trong xu hướng Đổi mới thường không bằng lòng với lối viết phản ánh hiện thực theo lối kể, tả, thuật chuyện đơn tuyến, hiển ngôn. Các phương diện hình thức nghệ thuật cũng được rộng mở với các kiểu cấu trúc đa tầng, đa tuyến; diễn ngôn hồi cố, độc thoại, dòng ý thức; yếu tố phi lý, tâm linh, huyền thoại với các sáng tác văn xuôi của Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Dương Hướng, Nguyễn Xuân Khánh…; kịch của Xuân Trình, Doãn Hoàng Giang, Lưu Quang Vũ…; thơ Hữu Thỉnh, Thanh Thảo, Lê Đạt, Trần Dần, Nguyễn Duy, Nguyễn Quang Thiều…

2.1.3. Tinh thần phản tư như một xu hướng phát triển tất yếu

Tinh thần phản tư không phải là một trào lưu nhất thời mà là xu hướng phát triển tự nhiên của một nền văn học trưởng thành. Khi xã hội đạt đến một ngưỡng tự do nhất định, người viết và người đọc sẽ cùng đi vào quá trình tự soi xét, tự đối thoại với chính mình và với cộng đồng. Theo Trần Đình Sử, "chỉ khi văn học dám nói thật, dám chất vấn những điều tưởng chừng thiêng liêng, nó mới đạt đến giá trị nhân văn đích thực" [6]. Đồng quan điểm, hầu hết giới sáng tác và nghiên cứu đều nhấn mạnh rằng tinh thần phản tư không làm mất đi lòng yêu nước hay trách nhiệm xã hội mà khiến cho tư tưởng, tình cảm ấy càng trở nên nhân bản hơn, gần gũi hơn với con người.

Một trong những điều minh chứng cho sự phát triển mang tính hệ thống của tinh thần phản tư như một xu hướng tất yếu là sự thay đổi trong đời sống nghiên cứu, lý luận và phê bình văn học. Từ cuối thập niên 1980 đến những năm đầu thế kỷ XXI, các nhà nghiên cứu như Trần Đình Sử, La Khắc Hòa, Lê Ngọc Trà, Trịnh Bá Đĩnh, Phan Trọng Thưởng... đã có nhiều công trình đề cập đến việc giải phóng tư duy văn học khỏi những khuôn mẫu cũ. Trịnh Bá Đĩnh nhấn mạnh: "Sự phản tư hay phản tỉnh ở giai đoạn này trước hết thể hiện qua việc đánh giá lại các hiện tượng văn học quá khứ... Trước đây về hai phong trào văn học này, xu hướng chung của giới phê bình là phê phán nội dung tư tưởng của chúng, trong khi cũng phần nào thừa nhận chúng có một số đóng góp về nghệ thuật thể hiện..." [7]. La Khắc Hòa cũng chỉ ra những sáng tác có chiều sâu tư tưởng giai đoạn này đều ít nhiều mang tính phản tư. Ông đề cao các tác phẩm của Nguyễn Minh Châu, Nguyễn Khải, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Hồ Anh Thái… như những nỗ lực làm mới diễn ngôn và phá vỡ hệ trật tự cũ một cách sáng tạo: "... trong những điều kiện cực kì khó khăn của đất nước, sáng tác của Nguyễn Minh Châu, Ma Văn Kháng, Lê Lựu, Nguyễn Mạnh Tuấn… đã đốt lên nhiệt tình tìm kiếm chân lí, báo trước khả năng tự đổi mới của nền văn học Việt Nam khi nó dám sòng phẳng với quá khứ, bất chấp trở lực cản ngăn" [8]. Theo ông, chính sự phản tư khiến văn học Việt Nam chạm được vào tính hiện đại, từ đó góp phần mở ra những chân trời thẩm mỹ mới cho người đọc trong và ngoài nước.

Các công trình của Trần Đình Sử về thi pháp học, của La Khắc Hòa về ký hiệu học, của Lê Ngọc Trà về tiếp nhận, của Nguyễn Văn Dân về so sánh văn học, của Đỗ Lai Thúy về phân tâm học… đều cho thấy sự nỗ lực tiếp cận và đối thoại với những tư tưởng văn nghệ mới của thế giới, làm giàu thêm cho đời sống lý luận, phê bình văn học trong nước. Trần Đình Sử trong *Thi pháp thơ Tố Hữu* đã mở ra một hướng tiếp cận mới đối với thơ ca hiện thực xã hội chủ nghĩa bằng công cụ thi pháp học hiện đại, trong đó nhấn mạnh tính hệ thống những "quan niệm nghệ thuật", "cái lý, cái logic bên trong của nghệ thuật" của tác giả. Từ định hướng tiếp cận lý thuyết thi pháp học, Trần Đình Sử đã đưa ra những kiến giải mới, độc đáo về thơ Tố Hữu trên nền tảng định lượng và định tính, xác định cốt lõi hình thức mang tính nghệ thuật. Ông nhấn mạnh thơ Tố Hữu là thơ trữ tình chính trị, là sự kết hợp hài hòa giữa tư tưởng cách cách mạng cao đẹp nhất, sáng rõ nhất của thời đại